TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 16-11-2023
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Em

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Ông Nguyễn Thanh Triều

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2023/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 303/2023/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 793/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1998 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:

Chị N và anh T do quen biết, tự tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh chị sống chung gia đình bên chị cho đến nay. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân là do anh T không chăm lo gia đình, còn mê chơi, anh T thường hay kiếm chuyện chửi bới chị, chị cũng đã hỏi anh T nguyên nhân để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng do anh T nói là tính hay nóng giận, không có chuyện gì khác, chị đã khuyên anh T bớt nóng giận, kiềm chế bản thân nhưng anh T vẫn không thay đổi. Khoảng hơn 2 tháng nay anh T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, tình cảm không còn nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn Cẩm T1, sinh ngày 25/3/2020, hiện nay con đang sống chung với chị N. Ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Do anh Trần Văn T có tính nóng nảy nên anh T thường hay quát mắng lớn tiếng vợ con, không quan tâm đến vợ con nên vợ anh cương quyết ly hôn, nay anh T nhận thấy cái sai, anh T còn thương vợ, mà vợ anh cũng còn thương anh, quan tâm lo lắng cho anh, anh T hứa thay đổi để lo cho vợ con. Nếu phải ly hôn thì anh T đồng ý giao con chung cho vợ nuôi và anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, tài sản chung không có.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 303/2023/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Các điều 51, 56, Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm N với bị đơn Trần Văn T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 27/7/2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị, cho chị N ly hôn với anh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Cẩm N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu được ly hôn với anh T, anh T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo chị N, cho chị N được ly hôn với anh T về con chung anh chị không thỏa thuận được thì phát sinh tranh chấp bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Cẩm N làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí là đúng với quy định tại Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện G giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của chị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị N và anh T cưới nhau vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện G. Sau khi cưới anh chị sống chung gia đình bên chị N cho đến nay. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chăm lo gia đình, còn mê chơi, anh T thường hay kiếm chuyện chửi bới chị, chị đã khuyên anh T bớt nóng giận, kiềm chế bản thân nhưng anh T vẫn không thay đổi. Có lần chị đã xin ly hôn, nhưng sau đó chị vẫn cho anh Thời cơ h để vợ chồng đoàn tụ, chị rút lại đơn xin ly hôn nhưng về anh T không thay đổi tính tình, vợ chồng lại thường xuyên xảy ra mâu thuẫn tiếp. Anh T về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 02/2023 đến nay vợ chồng không đoàn tụ và từ khi Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đến nay anh T cũng không tới lui thăm vợ con. Đồng thời Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ anh T 02 lần cũng vắng mặt không lý do đều này thể hiện tình cảm vợ chồng của chị N, anh T khó đoàn tụ nên chị N kháng cáo yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện huyện G, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét. Nếu các anh chị không thỏa thuận được việc nuôi con thì được khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị N được chấp nhận nên chị N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Cẩm N. Sửa bản án hôn nhân gia đình số 303/2023/HNGĐ-ST ngày 21/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện huyện G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm N.

Cho chị Nguyễn Thị Cẩm N được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0028709 ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dâ sự huyện Gò Công Đ, nên chị N đã thực hiện xong án phí.

Chị Nguyễn Thị Cẩm N được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0028908 ngày 27/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện G.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Phòng KTNV và THA TAT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Em